

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16-6-2023

V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chi

2. Bà Hà Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị T, sinh năm 1999 (Xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn Ph, xã T, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Khánh C, sinh năm 1999 (Xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo khởi kiện đề ngày 15/03/2023 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Khánh C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B ngày 01/11/2019. Sau khi đăng ký kết hôn thì hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh C về ở rể tại gia đình chị tại thôn P, xã T, thành phố Bắc Giang, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chị. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm. Vợ chồng hiện đã sống ly thân một thời gian dài, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Khánh C.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Trà M, sinh ngày 13/5/2020. Hiện cháu M đang ở cùng chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu M, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai có trong hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Khánh C trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Ngô Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang ngày 01/11/2019 và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị T không về làm dâu nhà anh mà hai vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ chị T tại thôn Phố, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 12/2020 thì bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, anh đã về nhà bố mẹ đẻ ở, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Trà M, sinh ngày 13/5/2020. Hiện nay cháu M đang ở cùng chị T. Ly hôn, anh nhất trí để chị T nuôi cháu M. Vấn đề cấp dưỡng anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T và anh C đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vụ án không có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp*: Chị Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Khánh C. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Bị đơn anh Nguyễn Khánh C có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại thôn Kiềm, xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang tuy nhiên anh C, chị T thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang giải quyết vụ án nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] *Về sự vắng mặt các đương sự*: Nguyên đơn chị Ngô Thị T và bị đơn anh Nguyễn Khánh C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Khánh C kết hôn ngày 01/11/2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Hà Giang. Chị T đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn bản gốc nên quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T, anh C đều xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đến nay đã trở nên trầm trọng và sống ly thân nhau từ lâu, không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh C nhất trí. Việc nhất trí ly hôn của chị T, anh C là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] *Về con chung*: Chị T, anh C xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngô Trà M, sinh ngày 13/5/2020. Hiện nay, cháu Trà M đang ở cùng chị T và phát triển bình thường. Ly hôn, chị T và anh C đều nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngô Trà M nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị T, anh C, giao cháu Nguyễn Ngô Trà M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị T, anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, anh C không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Chị T, anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để buộc chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khánh C.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngô Trà M, sinh ngày 13/5/2020 cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Khánh C không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh Nguyễn Khánh C thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

2.3. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002275 ngày 12/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

2.5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thanh Quyên